

THƠ HAI-CU

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nắm được đặc điểm thơ hai-cư ; cuộc đời và sáng tác của hai nhà thơ Nhật Bản tiêu biểu là Ba-sô và Bu-sôn.

– Bước đầu có khả năng cảm thụ và phân tích thơ hai-cư.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Phần *Tiểu dẫn* : Trọng tâm là *đặc điểm thơ hai-cư*. GV cần cho HS thấy rõ những đặc điểm sau :

a) *Về hình thức* : Thơ hai-cư chủ yếu bắt nguồn từ thể thơ liên ca (renga) gồm 31 âm tiết (onji) : 5 - 7 - 5 - 7 - 7, mỗi đoạn có hai vế, vế đầu có 17 âm tiết (5 - 7 - 5), ba câu, do một người khởi xướng, vế sau hai câu, 14 âm tiết (7 - 7), do người khác hoạ theo, những người sau đó lại nối tiếp, cứ thế mà kéo dài đến hàng chục, hàng trăm câu. Liên ca trở thành một loại thơ xướng hoạ, trước hết trong cung đình của vương gia quý tộc. Nội dung thơ thường mang tính giải trí, mua vui, trào lộng, dung tục tầm thường. Về sau thể thơ này được nhiều thế hệ thi sĩ sáng tạo, phát triển nên mang tính xã hội rộng rãi hơn.

Đến thời Ma-su-ô Ba-sô (1644 - 1694), thơ hai-cư được cách tân về nội dung và hình thức. Ba-sô rút vế đầu 17 âm tiết xây dựng thành một bài thơ độc lập, mang đậm chất suy tư trữ tình. Mối đầu, Ba-sô gọi là *hok-cư* (hokkur) hoặc *hai-ca* (haika) về sau ghép lại thành *hai-cư*.

Một bài thơ hai-cư chỉ có ba câu, 17 âm tiết (theo tiếng Nhật), do đó đòi hỏi lời thơ phải *cực ngắn, ý hàm súc cô đọng*, câu chữ đa nghĩa, có nhiều ẩn ý bên trong.

Trên thế giới cũng có nhiều thể thơ ngắn như *tứ tuyệt* (Trung Quốc), *si-giô* (Triều Tiên), *ru-bai* (I-ran),... nhưng xét cho cùng, hai-cư vẫn ngắn nhất.

Thơ hai-cư cũng được phổ biến trên thế giới, được dịch ra nhiều thứ tiếng. Các bài thơ trong SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao* được dịch từ tiếng Nhật và tiếng Anh.

b) *Về nội dung* : Do đặc điểm như vậy nên muốn cảm thụ sâu sắc một bài thơ hai-cư buộc người đọc phải *mở mắt* mà nhìn, *lắng tai* mà nghe, *trải lòng* mà

nhận biết. Vì trong thơ hai-cư bao giờ tác giả cũng tạo ra *ấn tượng*. Ấn tượng đó có thể bằng âm thanh như "tiếng mưa rơi tí tách", bằng hình ảnh có thể nhìn được như "con quạ đậu", hoặc bằng một hình tượng mơ hồ nào đó buộc người đọc phải trải lòng mà nhận biết, hay nói đúng hơn, nhận biết bằng cảm giác.

Vì vậy, để cảm nhận thơ hai-cư, ta phải vận động các giác quan từ thị giác, thính giác,... một cách nhạy cảm và sâu sắc.

Người Nhật Bản rất yêu thích thiên nhiên, thích hoà nhập với thiên nhiên, thả hồn mình vào thiên nhiên để tìm vẻ đẹp thuần khiết của nó, để giải thoát tâm linh. Vì vậy, thơ hai-cư phần nhiều thường miêu tả và gợi cảm xúc về thiên nhiên và phong cảnh bốn mùa. Đặc biệt, thể thơ này thường nói đến cây cỏ, hoa lá. Vì vậy, trong thơ hai-cư, người Nhật thường dùng các từ ngữ chỉ mùa, cây cỏ, và chọn đề tài miêu tả các mùa trong năm gọi là *quý để* (kidai). Những từ ngữ chỉ cây cỏ, hoa lá trong mỗi mùa gọi là *quý ngữ* (kigo). Những từ ngữ thường dùng như *lá non*, *lá xanh* (waba), *lá non tơ*, *mầm lộc* (wakabanna), *màu xanh mới* (shinryoku),... thường xuất hiện trong thơ hai-cư.

Có thể nói, cảm nhận một bài thơ hai-cư như đứng trước một bức tranh thủy mặc vừa đơn sơ, giản dị, tinh tế, vừa tạo sự liên tưởng sâu thẳm.

Trong thơ hai-cư có chất Thiền, đó cũng là một *đặc điểm*, GV cần lưu ý để có thể liên hệ với các loại thơ Thiền trong văn học trung đại Việt Nam mà HS đang học.

Thiền cần tập trung tư tưởng cao độ, đưa tâm tưởng của bản ngã (cái "tôi") hoà nhập vào cái tịch lặng vô biên, trống vắng vô hạn, không bị ức chế một điều gì trong tâm trí để giải thoát tâm linh. Chất sa-bi (tịch) ở trong thơ hai-cư là vậy. Yếu tố sa-bi biểu hiện cái cô liêu, tịch lặng, trầm lắng,... Điều đó người đọc cảm nhận qua cách dùng từ ngữ miêu tả cảnh vật thiên nhiên rất tinh tế, khiến người và vật hoà làm một (tâm = vật).

2. Phân tích thơ Ba-sô và thơ Bu-sôn :

GV lần lượt cho HS tìm hiểu những điểm sau :

a) *Về nhà thơ Ba-sô*

Trong SGK, phần tiểu sử Ba-sô ngắn gọn. GV cần tìm đọc tiểu sử của ông trong các sách sau : *Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường*⁽¹⁾, *Bashô và thơ haiku*⁽²⁾, hoặc *Lối lên miền O-cư*⁽³⁾.

(1) NXB Giáo dục, 1999, 2000.

(2) Phan Nhật Chiêu, NXB Văn học, H., 1994.

(3) Vĩnh Sính dịch, NXB Thế giới, H., 1999.

Ba-sô xuất thân trong gia đình võ sĩ đạo Sa-mu-rai. Sa-mu-rai bắt nguồn từ Sa-bu-rau, có nghĩa là phục vụ. Thời Hây-an (794 - 1192), Sa-mu-rai là những người lính cận vệ của triều đình Thiên hoàng. Đến thời To-cư-ga-oa thì trở thành một tầng lớp "sĩ" (shi) trong bốn tầng lớp : sĩ, nông, công, thương. Sĩ ở đây không có nghĩa là sĩ phu như ở Trung Quốc và Việt Nam. Tầng lớp nắm quyền thế hình thành một tầng lớp võ sĩ đạo, lấy tập luyện võ nghệ, cung kiếm và tu luyện Thiền để trở thành người có sức mạnh về thể chất và trí tuệ nhằm giải thoát tâm linh.

Bản thân Ba-sô cũng theo Thiền tông, do đó trong thơ ca của ông đượm chất Thiền như đã nói ở trên.

Ba-sô lúc tám, chín tuổi đến làm tiểu đồng giúp việc cho Yô-si-ta-da (Yoshitada), con trai của một vị lãnh chúa nổi tiếng ở vùng I-ga, phía nam Nhật Bản. Sau đó hai người kết thân với nhau vì cùng yêu thích văn chương. Một thời gian sau, Yô-si-ta-da chết, Ba-sô buồn chán, bỏ đi lang thang. Từ đó, ông có thói quen du hành khắp đất nước từ nam lên bắc. Những nhật kí, bút kí thơ ca của ông đều viết ra trong những cuộc hành trình đó. Tác phẩm *Lôi lên miền O-cư* của Ba-sô là tuyệt tác đã ra đời trong hoàn cảnh đó.

– Về ba bài thơ của Ba-sô

Bài 1

Thơ Ba-sô vốn vô đề, số 1, 2, 3 là do người biên soạn đặt để dễ phân biệt. GV cho HS tìm hiểu phân chú thích, xuất xứ của bài thơ. Xuất xứ *Bài 1* (còn gọi là bài thơ *Con quạ*) đã ghi ở chú thích 2. Ở đây, xin bổ sung thêm vài điểm. Trước khi bài *Con quạ* ra đời, Ba-sô cũng đã làm nhiều bài thơ khác nhưng ông chưa thật hài lòng. Mãi đến năm 1679, lúc Ba-sô 35 tuổi, ông viết bài thơ *Con quạ* theo phong cách mới gọi là *Tiểu phong* (shofu). Bài thơ ra đời đã gây một tiếng vang, nhiều nhà nghiên cứu xem đó là bài thơ *hai-cư kiểu mẫu*. Từ đó, nhiều người xin theo làm môn đồ của ông. Có nhà nghiên cứu cho rằng, bài thơ thành công lớn cũng do có thời gian Ba-sô thâm nhập Thiền đạo dưới sự hướng dẫn của hai thiền sư nổi tiếng. Cũng trước đó, vào năm 1672, khi trở về Ê-đô, ông đã có mối tình uẩn khúc với nàng Giu-te-i. Điều đó cũng để lại trong lòng ông một mối buồn cô đơn, hiu quạnh.

Giảng về ý nghĩa, GV cần cho HS tìm hiểu mối liên quan giữa các từ ngữ trong bài thơ như "cành khô", "chim quạ", "chiều thu" để thấy rõ tác giả đã vẽ ra một bức tranh thủy mặc tả một chiều thu tàn tạ đơn sơ và sâu thẳm. Cảnh chiều thu đó gợi lên cho người đọc một cảm giác u buồn, quạnh hiu, bởi vì cái *cành khô* trơ trụi không lá xanh tươi, *con quạ* đen in trên nền trời hoàng hôn sẫm tối.

Hình ảnh *con quạ* đã khắc sâu trong ta một ấn tượng buồn vắng lặng, cô đơn. Chỉ chùng ấy từ ngữ cũng đủ tạo ra một bức tranh mang ý nghĩa sâu xa về một chiều thu cô tịch, tàn úa. Kẻ sẵn có tâm trạng cô đơn, hiu quạnh bất gặp cảnh đó chắc lại càng thấm thía hơn.

GV có thể tìm trong thơ cổ Việt Nam, thơ Đường,... những bài thơ mang ý nghĩa như bài thơ *Con quạ* của Ba-sô để so sánh, minh hoạ thêm.

Bài 2

Trong bài này, từ ấn tượng bằng âm thanh là *tiếng chuông*, âm thanh đó gây cảm giác bàng khuâng không biết từ đâu đến. Từ đèn U-ê-nô hay A-sa-cư-sa⁽¹⁾. Vậy ý bài thơ là gì ?

GV dẫn dắt HS tìm hiểu bài qua hai câu hỏi trong SGK. Trong bài thơ này, Ba-sô đã dùng một từ *chỉ mùa* (quý ngữ), đó là *hoa đào*. Hoa đào ở đây là *hoa anh đào* (sacura), loại hoa đặc sắc của Nhật Bản. Hoa anh đào thường nở rộ trong một tuần vào mùa xuân, mùa đẹp nhất ở Nhật Bản. Nó là biểu tượng tâm hồn và sinh hoạt văn hoá đầu xuân của người Nhật. Hoa nhỏ, không hương vị, có màu hồng nhạt. Một cây đứng riêng rẽ thì không rực rỡ nhưng quần tụ lại từng hàng, từng dãy, từng vườn trồng quanh đền chùa thì rất rực rỡ. Anh đào tượng trưng cho sức sống dồi dào và tinh thần hoà hợp, đoàn kết của người Nhật.

Trong bài thơ nói đến tiếng *chuông*, đối với người Nhật để nhận biết đó là thời điểm nào. Đó là tiếng chuông vang vọng từ các đền chùa vào buổi hoàng hôn. Trong bài nói rõ địa danh của các ngôi chùa gần túp lều của Ba-sô nhưng vẫn bàng khuâng, mơ hồ không biết đích thực từ đâu đến.

Bài thơ đã tạo cái cảnh mơ hồ, bàng khuâng, không cụ thể. Điều đó khiến cho người đọc có *cảm giác* được thưởng ngoạn cái đẹp của mùa xuân trong tâm trạng cô đơn, trống vắng giữa túp lều tranh của nhà thơ – thiền sư này.

Bài 3

Có thể gọi tên bài thơ là *Cây chuối*. Sau khi rời Ê-đô, Ba-sô về ở Phu-ca-oa-ga, sống trong túp lều tranh do một môn đồ dựng cho ông. Cạnh túp lều trồng một cây chuối, loại chuối cảnh không có trái, hiếm thấy ở Nhật Bản. Từ đó, ông lấy bút danh là Ba-sô (âm Hán Việt là Ba Tiêu), còn túp lều ông ở gọi là *Ba-sô am* (Bashoan).

Bài *Cây chuối*, ông sáng tác trong túp lều đó với một tâm trạng u buồn, cô đơn.

(1) Xem chú thích (2) trong SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một, tr. 205.

Chú ý : Trong bài thơ này, GV cần cho HS khai thác những từ chỉ *âm thanh* gây ấn tượng sâu lắng như "tiếng gió thu", "tiếng mưa rơi tí tách", "tiếng đêm". Những âm thanh đó phát ra trong đêm mùa thu. Tiếng rơi tí tách từ tàu lá chuối xuống nhỏ vào chậu, người trong đêm nghe lại càng nõi hơn. Cảnh bên ngoài tấp lều trong đêm đã dội vào lòng Ba-sô, khiến ông cảm thấy thiên nhiên bên ngoài cũng thực nhạy cảm, dường như biết hoà nhập với tâm trạng của nhà thơ ; ngược lại, nhà thơ cũng mở rộng tâm hồn để hoà nổi niềm u buồn, cô tịch của mình vào "tiếng đêm".

Bạch Cư Dị, nhà thơ Trung Quốc, cũng đã từng lắng nghe tiếng mưa đêm :

*Cách song đêm biết mưa sa
Tiếng nghe lộp độp chẳng là tàu tiêu.*

(Cách song tứ dạ vũ
Ba tiêu tiên hũ thanh)

(*Mưa đêm* – Tản Đà dịch⁽¹⁾)

b) *Về nhà thơ Bu-sôn*

Cuộc đời của Bu-sôn thuận lợi hơn Ba-sô. Ông xuất thân trong gia đình giàu có. Tuy vậy, Bu-sôn có một tinh thần tự lập rất cao, điều đó ảnh hưởng rất lớn đối với sự nghiệp văn chương của ông.

Bu-sôn là gương mặt lớn của thơ hai-cư, người nối tiếp và phát huy tinh hoa thơ hai-cư của Ba-sô. Ông để lại nhiều bài thơ xuất sắc và là nhân vật trọng yếu trong phong trào phục hưng thơ Ba-sô.

Bu-sôn còn là một danh hoạ, cho nên trong thơ ca của ông đậm chất hội hoạ. Ông lại là người rất yêu mùa xuân. Số lượng thơ viết về mùa xuân của ông khá nhiều, do đó Bu-sôn được mệnh danh là "thi sĩ của mùa xuân".

Tuy là môn đệ trung thành của Ba-sô, nhưng Bu-sôn vẫn cố gắng tạo cho mình một phong cách riêng. Thơ ông gần cuộc đời trần thế hơn.

– *Về ba bài thơ của Bu-sôn*

Bài 1

GV cần hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa các từ, nhất là từ *thác*. *Thác* như trong *Từ điển tiếng Việt*⁽²⁾, đã giải thích : "Chỗ nước chảy vượt qua vách đá cao nằm chắn

(1) *Thơ Đường*, tập II, NXB Văn học, H., 1987, tr. 278.

(2) NXB Đà Nẵng, 1997.

ngang lòng sông, suối". Do đó mà có câu "Lên thác xuống ghềnh". *Thác* còn là biểu tượng của sức mạnh, tiếng gọi của mùa xuân. Thác luôn chuyển động còn núi thì tĩnh tại, do đó đối lập nhau. Dù chuyển động nhưng bản chất của thác không thay đổi : "Đằng sau vẻ ngoài của thác, người ta tìm thấy được ý nghĩa biểu tượng của sự vận động liên tục, biểu hiện một thế giới mà các yếu tố của nó thay đổi không ngừng, trong khi hình thức bên ngoài vẫn y nguyên"⁽¹⁾. *Thác* trở thành một mô típ chủ chốt trong hội họa phong cảnh của Trung Hoa và Nhật Bản.

Bài thơ này đòi hỏi người đọc phải vận động thính giác, thị giác,... để cảm nhận ý nghĩa của nó.

Nên chú ý nhấn mạnh mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên thể hiện trong bài thơ.

Bài 2

Đây là một trong những bài thơ Bu-sôn miêu tả mùa xuân trữ tình nhất. Bài thơ không cần chú thích, đọc lên có thể hiểu ngay. Tuy có chút ẩn ý nhưng ý nghĩa của bài thơ phơi bày khá rõ rệt. Đó là bức tranh xuân, miêu tả con người đang hoà trong mưa xuân, nói lên mùa xuân của tình yêu, của tuổi trẻ.

Câu 1 tả cảnh, hai câu sau tả người, cảnh và người gắn bó, hoà hợp với nhau. Con người và thiên nhiên là một.

Bài 3

Cần chú ý từ *hoa xuân*, ở Nhật Bản mùa xuân thường có hoa anh đào, hay hoa mơ, hoa mận nở tung bừng khắp nơi. Câu 1 tác giả miêu tả thiên nhiên, hai câu sau tả cảnh các cô gái đi mua sắm đai lưng để trang điểm cho mình. Trong loại áo ki-mô-nô của người phụ nữ Nhật, chiếc đai lưng, khăn buộc quanh lưng được coi trọng. Ở *đai lưng*, tùy theo mùa mà thêu dệt hoa lá : mùa xuân thường thêu hình ảnh hoa mơ, hoa mận ; mùa hè là những dòng suối, sông ; mùa thu là loại cây gỗ màu lá rực đỏ ; mùa đông là hình ảnh cây thông.

Hình ảnh những cô gái đang xuân, cảnh các cô đi mua sắm đai lưng đã làm tôn vẻ đẹp tươi của mùa xuân.

Bài thơ nói lên ý nghĩa : con người và thiên nhiên hoà hợp càng tô điểm cho mùa xuân rực rỡ, giàu sức sống.

(1) Gian Sơ-va-li-ê, *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, NXB Đà Nẵng, 1997.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bài học được thực hiện trong 2 tiết. GV có thể theo tiến trình sau :

Tiết 1. Sau khi kiểm tra bài cũ, GV nêu câu hỏi để HS tìm hiểu đặc điểm thơ hai-cư :

– Trước khi giới thiệu thơ hai-cư, GV cần nói qua vài nét về đất nước Nhật Bản (tìm đọc *Lịch sử Nhật Bản*, NXB Giáo dục, 1999).

– GV trình bày đặc điểm thơ hai-cư như đã gợi ý ở phần trên (tìm đọc *Haiku nhập môn*⁽¹⁾, hoặc *Bashô và thơ haiku* của Phan Nhật Chiêu).

– GV dành 15 phút giới thiệu tác giả Ba-sô và cho HS đọc ba bài thơ hai-cư, hỏi về các chú thích.

– GV và HS cùng phân tích ba bài thơ của Ba-sô.

Tiết 2

– Giới thiệu tác giả Bu-sôn.

– GV và HS phân tích ba bài thơ của Bu-sôn.

– GV tổng kết 2 tiết giảng và hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi ở phần *Hướng dẫn học bài*, thực hiện *Bài tập nâng cao*, giới thiệu phần *Tri thức đọc - hiểu*.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người trong các bài thơ hai-cư của Ba-sô và Bu-sôn đã học, GV hướng dẫn HS tìm hiểu ở lớp.

Lưu ý : thiên nhiên trong cảm xúc, tình và cảnh hoà quyện làm một. Thiên nhiên trong thơ hai-cư không có đường viền rõ ràng, tạo không gian bao la cho trí tưởng tượng của người đọc.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nhật Chiêu, *Thơ ca Nhật Bản*, NXB Giáo dục, 1998.

– Ma-su-ô Ba-sô, *Lối lên miền O-cư*, Vĩnh Sính dịch, Sđd.

(1) NXB Trẻ, 1991.